BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 704 /QĐ-BGTVT	*Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ Hàng hải, Đại diện Cảng vụ Hàng hải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ văn bản số 5165/BTC-QLCS ngày 20/5/2024 của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ Hàng hải, Đại diện Cảng vụ Hàng hải;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam tại các văn bản số 3158/CHHVN-KHĐT ngày 27/7/2023 và số 3895/CHHVN-KHĐT ngày 12/9/2023 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ Hàng hải, Đại diện Cảng vụ Hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ Hàng hải, Đại diện Cảng vụ Hàng hải (*theo Phụ lục chi tiết đính kèm*).

Đối với các đơn vị: Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh, Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2020, Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa thực hiện theo Quyết định số 1431/QĐ-BGTVT ngày 01/11/2022 và Đại diện Cảng vụ Hàng hải Đồng Tháp tại Vĩnh Xương - Thường Phước thực hiện theo Quyết định số 781/QĐ-BGTVT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các Cảng vụ Hàng hải, Đại diện Cảng vụ Hàng hải.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nêu tại Điều 1 của Quyết định này làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mua sắm, quản lý và sử dụng trụ sở làm việc của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các đơn vị nêu tại Quyết định này, chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc xác định diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của các đơn vị thuộc Cục theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc các Cảng vụ Hàng hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Trang TTĐT Bộ (để công khai);
- Lưu: VT, TC (T).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục 1.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH - ĐẠI DIỆN MÓNG CÁI

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	47	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 1.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH - ĐẠI DIỆN CẨM PHẢ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	58	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	58	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 1.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH - ĐẠI DIỆN VÂN ĐỒN

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	58	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	58	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 1.4:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NINH - ĐẠI DIỆN QUẢNG YÊN

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	30	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 2.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích chuyên dùng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	195	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	45	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	45	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ của hệ thống VTS		
7.1.1	Diện tích điều phối lưu thông hàng hải của hệ thống VTS	55,86	
7.1.2	Diện tích phục vụ lắp đặt trang thiết bị của hệ thống VTS	35,76	
7.2	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu		
7.2.1	Diện tích phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	

7.2.2	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	40	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 2.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG - ĐẠI DIỆN CÁT HẢI

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích chuyên dùng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.2	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ của hệ thống VTS		
6.1.1	Diện tích điều phối lưu thông hàng hải của hệ thống VTS	56	
6.1.2	Diện tích phục vụ lắp đặt trang thiết bị của hệ thống VTS	36	
6.2	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu		
6.2.1	Diện tích phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	
6.2.2	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	40	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 2.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG - ĐẠI DIỆN PHÀ RỪNG

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích chuyên dùng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.2	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan		
6.1	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu		
6.1.1	Diện tích phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	
6.1.2	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	40	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 2.4:

DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG - ĐẠI DIỆN BẠCH LONG VỸ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích chuyên dùng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.2	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 3.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÁI BÌNH - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	195	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	8	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	8	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích phục vụ hoạt động học tập, đào tạo		
	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 3.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÁI BÌNH - ĐẠI DIỆN NAM ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	13	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích cho học tập, đào tạo		
	Diện tích cho đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 4:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA - ĐẠI DIỆN LỆ MÔN

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	30	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	30	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 5.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI NGHỆ AN - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	156	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	19	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	19	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 5.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI NGHỆ AN - ĐẠI DIỆN CỬA LÒ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	19	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	19	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
6.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	30	
6.3	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu		
6.3.1	Khu vực phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	
6.3.2	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 6.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI HÀ TĨNH - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	143	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	18	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	18	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	12	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	12	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75,21	
7.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	35,76	
7.3	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu		
7.3.1	Khu vực phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	
7.3.2	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	40	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 6.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI HÀ TĨNH - ĐẠI DIỆN XUÂN HẢI

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	12	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	12	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	12	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	12	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Tính tối đa $10m^2$/01 cán bộ trực ca; số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 7.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG BÌNH - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	195	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	19	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	19	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho học tập, đào tạo		
	Diện tích cho đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 7.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG BÌNH - ĐẠI DIỆN CỬA GIANH

(Kèm theo Quyết định số 1704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	19	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	19	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Tính tối đa $10m^2$/01 cán bộ trực ca; số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 8.1:
TỔNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG TRỊ - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	143	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	15	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	15	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 8.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG TRỊ - ĐẠI DIỆN CỒN CỎ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	9	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	9	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 9.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	143	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	24	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	24	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan		
	Diện tích phục vụ đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 9.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ - ĐẠI DIỆN CHÂN MÂY

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	24	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	24	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
6.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	35	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 10.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐÀ NẴNG - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	156	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	21	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	21	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
7.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	36	
7.3	Khu vực đào tạo, học tập. nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 10.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐÀ NẴNG - ĐẠI DIỆN LIÊN CHIỂU

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	10	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	10	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực đào tạo, học tập. nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 11:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NAM - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	10	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	10	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	12	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	12	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	37	
6.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	24	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 12:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUẢNG NGÃI - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	130	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	40	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	40	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
7.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	36	
7.3	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu		
7.3.1	Khu vực phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	
7.3.2	Khu vực đào tạo, học tập. nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	40	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 13.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUY NHƠN - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	130	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	10	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	10	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
7.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	30	
7.3	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu		
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 13.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI QUY NHƠN - ĐẠI DIỆN VŨNG RÔ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	4,5	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	4,5	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 14.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI NHA TRANG - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	156	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	65	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	65	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 14.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI NHA TRANG - ĐẠI DIỆN CAM RANH

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	20	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 14.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI NHA TRANG - ĐẠI DIỆN TRƯỜNG SA

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	9	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 14.4:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI NHA TRANG - ĐẠI DIỆN VÂN PHONG

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	24	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích phục vụ nhiệm vụ của hệ thống VTS		
6.1	Diện tích điều phối lưu thông hàng hải của Hệ thống VTS	75	
6.1	Diện tích phục vụ lắp đặt trang thiết bị của hệ thống VTS	36	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 15.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	16	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	16	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ của hệ thống VTS		
6.1.1	Diện tích điều phối lưu thông hàng hải của Hệ thống VTS	56	
6.1.2	Diện tích phục vụ lắp đặt trang thiết bị của hệ thống VTS	30	
6.2	Khu vực đào tạo, học tập. nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 15.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI - ĐẠI DIỆN PHƯỚC THÁI

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	11	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	11	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực đào tạo, học tập. nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 15.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI- ĐẠI DIỆN NHƠN TRẠCH

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	14	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	14	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 16.1:
TỔNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI BÌNH THUẬN- TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	195	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	20	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	40	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	20	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho học tập, đào tạo		
	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 16.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI BÌNH THUẬN - ĐẠI DIỆN TUY PHONG

(Kèm theo Quyết định 2704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	20	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	20	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	20	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
6.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	36	
6.3	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu		
6.3.1	Khu vực phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	
6.3.2	Khu vực đào tạo, học tập. nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	48	

7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 17.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI VŨNG TÀU - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	195	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	100	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	100	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	113	
7.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	47	
7.3	Khu vực đào tạo, học tập, nghiên cứu		
7.3.1	Khu vực phục vụ huấn luyện, đào tạo vận hành, khai thác hệ thống VTS	60	
7.3.2	Khu vực đào tạo, học tập. nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ chuyên ngành	40	

8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 17.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI VŨNG TÀU - ĐẠI DIỆN PHÚ MỸ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	60	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	60	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 17.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI VŨNG TÀU - ĐẠI DIỆN THỊ VẢI

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	30	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	30	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 17.4:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI VŨNG TÀU- ĐẠI DIỆN CÔN ĐẢO

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	24	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 18.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - ĐẠI DIỆN HIỆP PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng;	51	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	51	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 18.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - ĐẠI DIỆN GÒ GIA

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	30	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	30	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	70	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 18.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - ĐẠI DIỆN LONG AN

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	19	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	19	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 18.4:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - ĐẠI DIỆN MỸ THO

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng;	9	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	9	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 19:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI AN GIANG - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	30	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	30	
4.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	56	
6.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	30	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 20.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG THÁP - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	143	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	18	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	18	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	56	
7.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	30	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 20.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG THÁP - ĐẠI DIỆN SA ĐÉC

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	11	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	11	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Khu vực thay trang phục	20	

Phụ lục 20.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG THÁP - ĐẠI DIỆN BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	11	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	11	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	20	

Phụ lục 20.4:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG THÁP - ĐẠI DIỆN THƯỜNG PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 1704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	10	
4.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	10	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	20	

Phụ lục 21.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ - ĐẠI DIỆN TRÀ VINH

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	96	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	18	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng;	20	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	12	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	30	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
6.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	36	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 21.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ - ĐẠI DIỆN HẬU GIANG

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	96	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	18	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng;	20	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	12	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	30	
6	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
6.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	75	
6.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	36	
7	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
8	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 22.1:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI KIÊN GIANG - TRỤ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Hội trường lớn	170	
5	Kho chuyên ngành		
5.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng	60	
5.2	Kho lưu trữ tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	66	
5.3	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
5.4	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
6	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
7	Diện tích cho hệ thống VTS; học tập, đào tạo		
7.1	Diện tích phục vụ nhiệm vụ giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS)	56	
7.2	Khu vực lắp đặt trang thiết bị của Hệ thống VTS	30	
8	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
9	Khu vực thay trang phục	30	

Phụ lục 22.2:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI KIÊN GIANG - ĐẠI DIỆN HÀ TIÊN

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	52	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 22.3:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI KIÊN GIANG- ĐẠI DIỆN HÒN CHÔNG

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	20	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 22.4:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI KIÊN GIANG - ĐẠI DIỆN PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	62	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	

Phụ lục 22.5:
DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC
CẢNG VỤ HÀNG HẢI KIÊN GIANG- ĐẠI DIỆN CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 704 /QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT	Nội dung nhiệm vụ đặc thù	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	192	Gồm 04 phòng cho 04 nhiệm vụ của: Cảng vụ, Hải quan, Biên phòng và cơ quan Kiểm dịch
2	Phòng tiếp dân	24	
3	Diện tích quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24	
4	Kho chuyên ngành		
4.1	Kho lưu trữ biên lai, chứng từ thu phí, lệ phí hàng hải, chứng từ thuế, kho bạc nhà nước, ngân hàng; tài liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải	10	
4.2	Kho công cụ hỗ trợ phục vụ công tác chuyên ngành	24	
4.3	Kho lưu trữ và tạm giữ	24	
5	Diện tích sử dụng cho hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, điều tra tai nạn, xử lý vi phạm hành chính	35	
6	Khu vực nghỉ trực ca	$10m^2$/01 cán bộ trực ca	Số cán bộ trực ca tính bằng 5% số biên chế của Cảng vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định
7	Diện tích thay trang phục	30	